

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày : 12 – 9 – 2025
“Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**HÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hợp – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 257/2025/QĐST-DS ngày 14/8/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 748/TB-TA ngày 23/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Số C, đường Y, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Lô B, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.
Điện thoại: 0918 532 623 và 0977 727 767

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0971 777 971

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim H1.

Địa chỉ cư trú: Số A, tổ E, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0392.431.059 hoặc 0339 246 4591.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1969, là chủ hộ kinh doanh Lê Thị Ngọc H2. Nơi thường trú: Số C, đường Y, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: Lô B, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0971 777 971 (Văn bản uỷ quyền ngày 25/6/2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Đình T, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Từ năm 2014 đến nay, ông T có bán thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản) cho bà Phạm Thị Kim H1. Đến ngày 14/10/2022, bà H1 chốt công nợ còn thiếu ông T tổng số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng. Số tiền này đã được bà H1 ký tên xác nhận nợ ngày 14/10/2022 vào các toa hàng do bà H1 ghi nhận nợ và ký tên xác nhận.

Đến ngày 08/11/2024, tổng nợ bà H1 còn thiếu ông T 218.450.000 (Hai trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Từ đó đến nay, bà H1 không trả cho ông T được bất kỳ khoản tiền nào. Ông T đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả. Đến nay, bà H1 chặn cuộc gọi của ông T, tránh gặp ông T và có dấu hiệu bỏ địa phương đi nơi khác, ông T không liên lạc được. Điều này, đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của ông T.

Ông Phạm Đình T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Phạm Thị Kim H1 phải có trách nhiệm trả một lần cho ông T tổng số tiền mua thức ăn còn nợ là 218.450.000 (Hai trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Phạm Thị Kim H1: Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đầy đủ, đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không đến Toà án trình bày ý kiến về việc bị kiện.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Phạm Đình T do ông Nguyễn Văn H là đại diện theo uỷ quyền trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Đình T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bà H1 phải trả số tiền 218.450.000 (Hai trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng cho nguyên đơn ông Phạm Đình T, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà H1: Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nguyễn Văn H đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc H2 xác định bà đứng tên chủ cửa hàng kinh doanh nhưng bà H1 giao dịch mua bán trực tiếp với ông T, ký biên nhận nợ với ông T nên bà H1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Do vậy, bà không có ý kiến, không tranh chấp gì về quyền khởi kiện với ông T. Bà có ý kiến đề nghị xem xét buộc bị đơn bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ 218.450.000 đồng cho ông T.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu yêu cầu bị đơn bà H1 phải trả 218.450.000 đồng theo toa hàng do bà H1 ký nhận nợ với ông Phạm Đình T.

Xét hợp đồng mua bán giữa các bên đương sự đúng quy định pháp luật, được lập bằng văn bản, quá trình mua bán hai bên có đối chiếu công nợ, bị đơn ký toa hàng ngày 14/10/2022 xác nhận số tiền còn nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng của hợp đồng mua bán theo quy định Điều 440 Bộ luật dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị H1 sinh sống tại địa chỉ tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B) đã được tổng đạt văn bản tố tụng đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bị kiện, xem như không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phía nguyên đơn chỉ yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi. Do vậy, căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H1 phải trả nợ gốc 218.450.000 đồng cho nguyên đơn ông T. Do nguyên đơn ông T không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét án phí, quyền kháng cáo và tiếp tục giải quyết vụ án theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13-An Giang.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định loại án: Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng mua bán theo quy định Bộ luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan giải quyết vụ án.

- Về quyền khởi kiện: Căn cứ vào toa hàng hàng 14/10/2022, bà H1 thừa nhận nợ đối với ông T nên ông T có quyền khởi kiện yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định pháp luật. Đối với bà Lê Thị Ngọc H2 là người đứng chủ hộ kinh doanh nhưng bà H2 xác định người trực tiếp giao dịch mua bán với bị đơn bà H1 là ông T nên ông T khởi kiện bà H1, bà H2 không có ý kiến, không tranh chấp gì với ông T trong vụ án này.

- Về người tham gia tố tụng: Xét thấy bà Lê Thị Ngọc H2 là chủ hộ kinh doanh nhưng ông Phạm Đình T là người trực tiếp mua bán, do vậy Tòa án đã đưa bà H2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Về vắng mặt đương sự: Bị đơn bà H1 đã được tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ khoản nợ như sau:

Buộc bà Phạm Thị Kim H1 phải có trách nhiệm trả một lần cho ông T tổng số tiền mua thức ăn còn nợ là 218.450.000 (Hai trăm mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với nhau, thể hiện bằng các toa hàng, cụ thể tại toa hàng ngày 14/10/2025, bị đơn bà H1 xác định còn nợ nguyên đơn ông T số tiền 230.000.000 đồng, bà H1 có trả nhiều lần, đến ngày 08/11/2024 số tiền còn nợ là 218.450.000 đồng. Từ ngày 08/11/2024 bị đơn bà H1 không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ đúng theo nơi cư trú của bị đơn thể hiện tại toa hàng do bà H1 ký nhận ngày 14/10/2025 nhưng bị đơn bà H1 không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như không phản đối về việc bị kiện. Căn cứ toa hàng, chứng từ do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký thừa nhận nợ của bị đơn bà H1. Kể từ ngày chốt công nợ ngày 14/10/2022, bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần đến ngày 08/11/2024 còn nợ nguyên đơn số tiền 218.450.000 đồng, từ ngày 08/11/2024 đến nay thì bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua thức ăn còn nợ nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-An Giang: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình T đối với tổng tiền nợ gốc là 218.450.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả nợ gốc là 218.450.000 đồng cho nguyên đơn ông Phạm Đình T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Phạm Thị Kim H1 phải chịu 10.922.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Phạm Đình T được nhận lại 5.460.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0009456 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13, tỉnh An Giang).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-

TAND.AG;

-

VKSNDKV13-AG;

- Phòng THAKV13-AG;
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Yến Anh